TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HS-ST
Ngày: 12-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Xẹt;

Ông Đào Văn Nô.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S (tên gọi khác: Beo), sinh năm 1993 tại: B; thường trú: Tổ 15, ấp Đ, xã B, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2018 cho đến nay; có mặt.

2. Thái Phước T, sinh năm 1999; thường trú: Tổ 13, ấp Đ, xã B, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Lê S, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965; có mặt.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1959; vắng mặt.

3. Ông Đỗ Trần Q, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 07/02/2018, Thái Phước T điều khiển xe mô tô biển số 61E1- 637.66 chở Nguyễn Thanh S lưu thông trên đường ĐT 743A theo hướng từ phường A, thị xã T về thị xã T, tỉnh B. Trên đường đi, S và T nhìn thấy Nguyễn Lê S điều khiển xe môtô 38X1 – 131.48 lưu thông cùng chiều phía trước lạng lách, đánh võng nên T điều khiển xe chạy vượt qua xe của S. T và S điều xe vượt qua lại với nhau đến gần khu vực ngã tư K thuộc khu phố K, phường T, thị xã T thì T điều khiển xe vượt lên chặn đầu xe của S nên S cho xe dừng lại. Lúc này, S và T xuống xe dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào đầu của S. Bị đánh bất ngờ, S lấy từ trong cặp da một con dao Thái Lan cán màu vàng dài 20cm cầm trên tay mục đích để phòng vệ rồi bỏ chạy vào một đường hẻm cách đó khoảng 04m. S và T đuổi theo nên S dùng dao chống trả và đâm trúng cánh tay trái của T một cái, sau đó S quay lại lấy xe định bỏ chạy thì S và T đuổi theo và dùng chân đạp vào xe làm S té ngã. T tiếp tục dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào người của S. Do nón bảo hiểm của S bị vỡ nên S ném đi rồi nhặt một cục đá đánh vào người S, T dùng hai tay giữ chặt tay của S lại để cho S lấy con dao S đang cầm. Sau khi lấy được dao, S ném con dao cùng cục đá cách đó khoảng 03m. T tiếp tục sử dụng nón bảo hiểm cùng S dùng tay đánh S.

Lúc này, nhìn thấy S bất tỉnh, chiếc điện thoại của S rơi xuống đường, S nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. Thời điểm này, T đi đến chỗ dựng xe 61E1- 637.66 nên không biết S lấy chiếc điện thoại của S.

Khi về đến nhà T, S lấy chiếc điện thoại đã chiếm đoạt của S ra và nói cho T biết rồi bảo T tìm cách mở mật khẩu, khi nào mở được thì đưa lại cho S. T mở mật khẩu điện thoại của S nhiều lần nhưng không được nên gỡ sim điện thoại số thuê bao 0985.429.358 ra để trên cửa sổ và giấu điện thoại dưới tủ trong phòng ngủ.

Sau khi tỉnh dậy S đến Công an phường T trình báo sự việc. Công an phường T phối hợp với Công an thị xã T tiến hành điều tra, xác minh và mời S và T đến Công an xã B làm việc. Qua làm việc, S đã khai nhận hành vi chiếm đoạt điện thoại Iphone 6S 16G màu đen xám cùng sim có số thuê bao 0985.429.358 của S. Cùng ngày, T giao nộp lại điện thoại cùng thẻ sim cho Công an thị xã T. Công an thị xã T tiến hành thu giữ 01 con dao Thái Lan cán màu vàng dài 20cm.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 153/KLTS-TTHS ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S 16Gb, màu đen xám đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 9.500.000 đồng.

Đối với hành vi dùng mũ bảo hiểm và đá gây thương tích, ông S có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự; bị cáo T cũng không yêu cầu xử lý hành vi dùng dao gây thương tích của ông S.

Bản Cáo trạng số 59/CT-VKS.TU ngày 18/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168; truy tố bị cáo Thái Phước T về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án từ 3 năm đến 4 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Thái Phước T mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh S và Thái Phước T thừa nhận do bực tức khi thấy bị hại S điều khiển xe mô tô lạng lách, đánh võng trên đường nên đã có hành vi sử dụng mũ bảo hiểm, đá để đánh bị hại. Trong khi

đang đánh nhau, thấy chiếc điện thoại Iphone 6S của ông S rơi ra ngoài, bị cáo S nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lấy cất vào túi quần. Bị cáo T không biết việc bị cáo S lấy điện thoại. Khi về đến nhà của S, bị cáo S đem chiếc điện thoại ra và nói cho T biết đã chiếm đoạt của S, đồng thời nhờ T mở mật khẩu. Bị cáo T giúp mở mật khẩu, tắt nguồn, tháo sim và cất giấu chiếc điện thoại. Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Thanh S đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168; hành vi của bị cáo Thái Phước T mặc dù biết tài sản do bị cáo S chiếm đoạt nhưng vẫn cất giấu đã đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Từ những nhận xét trên có đủ cơ sở kết luận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố hai bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì tham lam, tư lợi đã cố ý phạm tội. Hành vi đó thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất an ninh, trật tự, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án như trên là phù hợp với tính chất, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Riêng mức án của bị cáo T là cao nên cần xử nhẹ hơn.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 áo thun tay ngắn màu đỏ; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương; 01 áo khoác màu tím; 01 con dao Thái Lan cán màu vàng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội cướp tài sản; bị cáo Thái Phước T phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2018.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Thái Phước T 7 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun tay ngắn màu đỏ có chữ Suboy Fashion For Men D*S; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương vành màu đen có chữ Yamaha Honda Kim Hoàng Cúc; 01 áo khoác màu tím có chữ Vivian Fashion, có vết rách ở cánh tay trái và 01 con dao Thái Lan cán màu vàng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bô luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thanh S, Thái Phước T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Huỳnh Văn Trí